TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HSST
Ngày 21 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhiên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Minh Đón**

Bà **Nguyễn Thị Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vinh Quy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Trọng T, sinh năm 1989; Sinh trú quán: tổ dân phố X, phường N1, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Namam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Họ tên bố: Đỗ Trọng T1. Sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Lê Thị V. Sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 04 chị em. Bị cáo là con thứ ba. Vợ: Đào Thị M1. Sinh năm 1998. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/12/2021, Công an thị xã M xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền. Bản án số 03/2008/HSST ngày 15/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 14/11/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N. Sinh năm: 1981; Hộ khẩu thường trú: Xóm 3/2, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở: tổ dân phố Nghĩa Lộ, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Namam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Họ tên bố: Nguyễn Văn H. Sinh năm 1963. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Hồ Thị M2. Sinh năm 1962. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Trần Thị H. Sinh năm 1982. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quốc Đ, sinh năm 1976; Sinh trú quán: thôn B, xã L1, huyện C, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Họ tên bố: Trần Đức Hoàn. Sinh năm 1947. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Lê Thị Thanh. Sinh năm 1958. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Hoàng Thị Thuyết. Sinh năm 1980. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con: Có 03 con. Con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:UBND xã L*

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Đức Thuận – Chủ tịch UBND xã L

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Dương, sinh năm 1978 – Trưởng thôn L2; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L2, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn L2, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Đức V1, sinh năm 1993 (Có mặt)
- Anh Nguyễn Đức V2, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: tổ Yên Xá, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và Đỗ Trọng T đều là đối tượng sử dụng ma túy. Do không có tiền sử dụng ma túy nên đã cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 19/12/2021, Đỗ Trọng T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 14 F2 - 5576 đến nhà T đón. Tại đây T là người điều khiển xe mô tô biển số 14 F2 - 5576 chở N

ngồi sau, khi đi đến đoạn bãi rác thuộc địa phận thôn L2, xã L, huyện Y, N xuống xe đi đến vị trí các xe chở rác, T ngồi trên xe mô tô cảnh giới. Sau đó N dùng tay kéo 02 chiếc xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt rồi ngồi lên xe, T nổ máy điều khiển xe chở N đi đến nhà Trần Quốc Đ. Lúc này khoảng 03 giờ cùng ngày, N gọi cửa thì Đ ra mở cửa, N nói với Đ "em có ít đồ cũ anh có mua không" đồng thời chỉ tay về phía hai chiếc xe chở rác, thấy vậy Đ hỏi lại " các chú lấy ở đâu" thì N nói "em lấy ở xa", Đ hiểu và biết hai xe chở rác là do N và T trộm cắp ở xa khu vực nhà Đ, vì ham rẻ nên Đ đồng ý mua 2 xe chở rác của N với giá 1.000.000 đồng và Đ nói "lần sau các chú lấy anh không mua hàng này nữa đâu", rồi N và T chia nhau mỗi người 500.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 22/12/2021, N gọi điện rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Sau đó N điều khiển xe mô tô biển số 14F2-5576 đến nhà đón T, rồi T điều khiển xe chở N đi đến nhà Trần Quốc Đ mượn chiếc xe ba gác. Gặp Đ thì N nói "cho em mượn xe ba gác em đi chở đồ", Đ nói "chở đồ gì mà muộn thế", N trả lời "em mới mua được ít đồ của người quen, anh cho em mượn" thì Đ đồng ý. T điều khiển xe chở N ngồi sau kéo theo chiếc xe ba gác đi đến chỗ để những chiếc xe chở rác của thôn L2, xã L, huyện Y mà lần trước hai bị cáo đã trộm cắp. Tại đây, những chiếc xe chở rác đã được xích khóa lại, N và T tìm đồ để phá xích thì N thấy trên xe ba gác có chiếc xà cầy bằng sắt phi 18 dài khoảng 50cm có trên xe ba gác, N cầm lấy chiếc xà cầy phá đứt xích ra, N và T đổ rác trong xe ra và xếp lên xe ba gác được 04 xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt, thùng bằng tôn thì không xếp được nữa, N và T chằng những xe chở rác lại. Sau đó T điều khiển xe chở N ngồi sau kéo theo xe ba gác chở 04 chiếc xe chở rác mang đi bán. Đi đến đoạn thuộc địa phận tổ dân phố Long Đằng, phường P, thị xã M thì bị lực lượng Công an phường P phát hiện, yêu cầu kiểm tra nhưng T và N không dừng lại mà tiếp tục điều khiển xe đi đến địa phận phường D, thị xã M thì dừng lại, T lợi dụng bỏ chạy, còn N bị bắt giữ. Công an phường P, thị xã M lập biên bản, thu giữ trên người N 01 con dao dạng dao dọc giấy màu cam đen, đoạn dây chun màu trắng dài 2,2m và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia; Chiếc xe mô tô biển số 14F2-5576 và chiếc xe ba gác trên xe có 04 chiếc xe chở rác.

Cùng ngày, Đỗ Trọng T đã đến Công an phường P, thị xã M khai nhận hành vi trộm cắp cùng Nguyễn Văn N và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Vivo.

Ngày 22/12/2021 Công an phường P, thị xã M bàn giao hồ sơ, vật chứng vụ án và các đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết theo quy định.

Ngày 22/12/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y có đơn trình báo, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn N, Đỗ Trọng T và Trần Quốc Đ. Kết quả khám xét không thu giữ gì tại chỗ ở của N và T; tại chỗ ở của Đ thu giữ: tại sân tổng 127kg sắt vụn và 02 chiếc bánh xe có tổng khối lượng 15kg.

Biên bản, Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 23/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 04 chiếc xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt, thùng bằng tôn, đã qua sử dụng được đưa vào sử dụng từ tháng 3/2021 trị giá 10.000.000 đồng; 02 chiếc xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt, thùng bằng tôn, đã qua sử dụng được đưa vào sử dụng từ tháng 2/2020 trị giá 2.310.000 đồng. Tổng giá trị 12.310.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo N và T khai mục đích rủ nhau đi trộm cắp tài sản là để lấy tiền mua ma túy cùng sử dụng. Khi bán 02 chiếc xe chở rác cho Đ, thì Đ biết 02 chiếc xe chở rác này là do trộm cắp được mà có. Khi mượn chiếc xe ba gác của Đ thì N và T không nói sử dụng đi trộm cắp tài sản. Hai chiếc điện thoại di động bị cáo N và T giao nộp là các bị cáo sử dụng liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Trần Quốc Đ khai: Đ biết 02 chiếc xe chở rác đã mua của N và T là xe do trộm cắp mà có; mục đích Đ nói với N và T "lần sau các chú lấy anh không mua hàng này nữa đâu" để N và T có trộm cắp những đồ như này thì đừng mang đến chỗ của Đ. Sau khi mua 02 chiếc xe chở rác của N và T, Đ đã dùng cưa sắt bằng tay, búa kìm cắt hai xe thành những mảnh sắt nhỏ rời ra và xếp vào một chỗ chờ có khách đến mua thì bán lại. Đ đã bán 04 bánh xe trước của xe chở rác được số tiền 300.000 đồng và đã tiêu sài hết. Khi Đ cho N mượn xe ba gác ngày 22/12/2021 thì Đ không biết N mượn để đi trộm cắp tài sản, không biết trên xe ba gác cho chiếc xà cầy bằng sắt.

Đối với chiếc dao dọc giấy màu cam đen và đoạn dây chun là đồ vật của Nguyễn Văn N mang theo người để sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với 04 chiếc xe chở rác xác định của UBND xã L, ngày 10/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho ông Nguyễn Đình D1 - Trưởng thôn L2, xã L - người được ủy quyền nhận lại tài sản. Ông D1 đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 14F2-5576, quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn N mua của anh Nguyễn Đức V1g sinh năm 1993 ở tổ dân phố Yên Xá, phường P, thị xã M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành tra cứu thông tin chủ sở hữu và kho vật chứng đối với chiếc xe này. Kết quả tra cứu xe không có trong dữ liệu xe máy vật chứng, không tìm thấy dữ liệu tra cứu đối với chiếc xe. Chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe mô tô nêu trên nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 02 chiếc xe chở rác đã bán cho Đ, ngày 17/03/2022, Trần Quốc Đ đã bồi thường số tiền 2.310.000 đồng cho ông Nguyễn Đình D1 - trưởng thôn L2, xã L, huyện Y. Ông D1 đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu đề nghị gì. Đ không yêu cầu T và N phải trả lại số tiền này cho Đ.

Bản Cáo trạng số 45/CT-VKS-YM ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần

Quốc Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố với thái độ ăn năn, hối cải.

Bị cáo N và bị cáo T tự nguyện bồi thường trả bị cáo Đ số tiền 1.000.000đồng. Bị cáo Đ nhận tiền và không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết đối với số tiền này nữa.

Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Đ xin được cải tạo tại địa phương.

Bà Bích không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo N, T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt đại diện của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo, cũng như quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản; Trần Quốc Đ phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T và N.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

Xử phạt bị cáo N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

Xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại đã nhận lại được tài sản trộm cắp và tiền bồi thường, không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 1.000.000đồng N và T bán 02 chiếc xe rác cho Đ mà có, tại phiên tòa N và T đã tự nguyện bồi thường số tiền này cho Đ, Đ nhận tiền và không yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với đoạn dây xích do T và N phá hỏng, bà Bích không yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

Về vật chứng:

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước chiếc xe ba gác khung bằng sắt, có 02 càng xe, 02 bánh xe của Trần Quốc Đ.

Tịch thu cho tiêu hủy chiếc dao dọc giấy màu cam đen và đoạn dây chun.

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia của N và 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Vivo của T.

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước 127 kg sắt vụn, 02 chiếc bánh xe có trọng lượng 15kg.

-Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát huyện Y đều có đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt đại diện bị hại, người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đại diện bị hại, người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai và sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng tới việc xét xử các bị cáo và quyền lợi của những người này. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 19/12/2021, tại khu vực để rác thôn L2, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn N và Đỗ Trọng T có hành vi trộm cắp 02 chiếc xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt, thùng bằng tôn, đã qua sử dụng được đưa vào sử dụng từ tháng 2/2020 trị giá 2.310.000 đồng của UBND xã L, huyện Y. Sau đó N và T mang bán 02 chiếc xe này cho Trần Quốc Đ lấy số tiền 1.000.000 đồng. Đ không hứa hẹn trước với N và T, biết rõ 02 chiếc xe chở rác này là do N và T trộm cắp.

Khoảng 01 giờ ngày 22/12/2021, tại khu vực để rác thôn L2, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N tiếp tục có hành vi trộm cắp 04 chiếc xe chở rác có ba bánh, khung bằng sắt, thùng bằng tôn, đã qua sử dụng được đưa vào sử dụng từ tháng 3/2021 trị giá 10.000.000 đồng của UBND xã L. Trên đường mang đi bán thì bị phát hiện.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Trần

Quốc Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp và gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đầy đủ sức khỏe nhưng lười lao động, hám lời nên đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản mặc dù biết do người khác phạm tội mà có.

Trong vụ án này bị cáo N và Đ đều là đồng phạm với vai trò thực hành ngang nhau, bị cáo T đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và xử phạt tù về tội phạm liên quan nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo N và T với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Quốc Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo N, T ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Đ là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và, giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo N, T đều là đối tượng sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo Đ hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già, các con còn nhỏ, lại là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo N, T, Đ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 02 chiếc xe chở rác Đ mua của T và N, ngày 17/03/2022, Đ đã bồi thường trị giá 02 chiếc xe chở rác là 2.310.000 đồng cho ông

Nguyễn Đình D1 - Trưởng thôn L2, xã L, huyện Y. Ông D1 đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 1.000.000đồng N và T bán 02 chiếc xe rác cho Đ mà có, tại phiên tòa N và T đã tự nguyện bồi thường số tiền này cho Đ, Đ nhận tiền và không yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với việc N và T phá hỏng đoạn dây xích để trộm cắp 02 chiếc xe rác là tài sản của bà Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1969 ở L2, L, Y. Bà Bích không yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Đối với chiếc xe ba gác khung bằng sắt, có 02 càng xe, 02 bánh xe là của Trần Quốc Đ cho N và T mượn nhưng không biết N, T sử dụng đi trộm cắp tài sản, tại phiên tòa Đ không đề nghị được nhận lại, mà đề nghị sung vào Ngân sách nhà nước nên HĐXX sẽ cho phát mại nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc dao dọc giấy màu cam đen và đoạn dây chun là đồ vật của Nguyễn Văn N mang theo người để sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hiện không có giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia của N và 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Vivo của T. T và N đã sử dụng liên lạc rủ nhau đi trộm cắp nên liên quan đến hành vi phạm tội do vậy cần tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với đoạn xà cầy N và T dùng để đi trộm cắp, khi di chuyển đã bị rơi và 04 bánh xe trước của xe rác Đ đã bán với giá 300.000đồng cho người thu phế liệu không biết tên địa chỉ. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng nhưng không được nên không xem xét.

Đối với số tiền 300.000đồng Đ bán 04 bánh xe, Đ đã tiêu sài hết, ngày 15/3/2022 Đ đã bồi thường giá trị của T bộ 02 chiếc xe rác mà Đ đã mua của T và N. Phía đại diện bị hại đã nhận lại và không yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

Đối với 127 kg sắt vụn là các bộ phận của xe kéo rác bị Đ cắt, phá thành nhiều mảnh, 02 chiếc bánh xe có trọng lượng 15kg đã truy thu của Đ. Đại diện bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường 02 chiếc xe và không yêu cầu đề nghị gì, không đề nghị nhận lại, bị cáo Đ đề nghị cho phát mại nộp Ngân sách nhà nước nên cần tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và N

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ;

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trọng T và Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trần Quốc Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã L1, huyện C, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T, N và Đ.

4. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

5. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe ba gác khung bằng sắt, có 02 càng xe, 02 bánh xe; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Vivo; 127 kg sắt vụn, 02 chiếc bánh xe có trọng lượng 15kg.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc dao dọc giấy màu cam đen và 01 đoạn dây chun.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y

6. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Đỗ Trọng T và Trần Quốc Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường N1, thị xã M, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã L1, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhiên